

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: 20/2018/DS - ST.

Ngày: 08/5/2018.

*“V/v: Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Bà Bùi Thị Luyến.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân
Linh, tỉnh Bình Thuận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tỉnh Bình Thuận tham gia
phiên tòa:* Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tân
Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST-
DS, ngày 12 tháng 10 năm 2017, về *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”*;
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST – DS, ngày 30/3/2018,
giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 33, đường ĐH – ,
thôn 2, xã Sùng Nhơn, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị U, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 8, xã G, huyện T,
tỉnh Bình Thuận (đã ủy quyền cho ông PH Đình H).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phùng Đình H, sinh năm
1972; địa chỉ: Thôn 8, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*[1] Trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ
vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Bà Phạm Thị L trình bày như
sau:*

Vào ngày 12/3/2016, bà Phạm Thị L có cho vợ chồng bà Trần Thị U, ông
Phùng Đình H vay số tiền 37.000.000đ. Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là
3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay; bà U có viết giấy ghi nhận việc vay tiền

này. Ngoài ra, vào ngày 15/5/2015 ông Phùng Đình H còn vay của bà L số tiền 10.000.000đ; các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Đến ngày 14/4/2017, ông H trả cho bà L được 10.000.000đ này.

Đối với số tiền 37.000.000đ từ khi vay cho đến nay, vợ chồng ông H, bà U chưa trả tiền lãi cho bà L. Mặc dù, bà L đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H phải trả số tiền 37.000.000đ, nhưng đến nay ông H, bà U vẫn chưa trả số tiền này. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H và bà U phải trả số tiền đã vay là 37.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 12/3/2016 cho đến nay.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, bị đơn – Bà Trần Thị U (đã ủy quyền cho ông Phùng Đình H); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Phùng Đình H trình bày như sau:

Trước đây, vợ chồng bà U, ông H có vay của bà Phạm Thị L số tiền 60.000.000đ; hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Đến ngày 12/3/2016, bà U, ông H và bà L thống nhất chốt lại số tiền còn thiếu là 37.000.000đ. Ngoài ra, ông H còn thừa nhận có vay bà L thêm số tiền 10.000.000đ vào ngày 15/5/2015. Đến ngày 14/4/2017 ông H trả cho bà L 10.000.000đ. Số tiền còn thiếu bà L là 37.000.000đ. Ông H chấp nhận trả cho bà L 37.000.000đ, nhưng không đồng ý trả tiền lãi.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng – Ông Nguyễn Văn Thanh trình bày:

Vào ngày 14/4/2017, ông Thanh có nhận 10.000.000đ của ông H; số tiền 10.000.000đ này ông H giao cho ông Thanh để trả nợ cho bà L; sau khi nhận thì ông Thanh cũng đã giao số tiền 10.000.000đ này cho bà L nên ông Thanh không có liên quan gì đến số tiền này.

Số tiền bà L cho ông H, bà U vay là tài sản riêng bà L do đó ông Thanh không có liên quan gì và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Trong quá trình tố tụng phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy kê ngang, có chữ viết tay bằng mực màu xanh, ghi ngày 12/3/2016 và 01 tờ giấy kê ô, có chữ viết tay bằng mực màu xanh, ghi ngày 15/5/2015.

[5]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

Các đương sự đều thống nhất thừa nhận: Hiện nay vợ chồng bà U, ông H còn nợ bà L số tiền vay là 37.000.000đ.

[6]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Các đương sự không thống nhất về yêu cầu trả tiền lãi: Nguyên đơn – Bà Phạm Thị L yêu cầu vợ chồng bà U, ông H phải trả cho bà L tiền lãi phát sinh trên số tiền vay trong khoảng thời gian từ ngày 12/3/2016 cho đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật; còn vợ chồng bà U, ông H không đồng ý trả tiền lãi cho bà L.

[7]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 147, 203 BLTTDS năm 2015.

Các Điều 471, 474 BLDS năm 2005.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, L phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

Buộc bà Trần Thị U', ông Phùng Đình H phải liên đới trả cho bà Phạm Thị L số tiền 37.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

Bà Trần Thị U', ông Phùng Đình H phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị Phạm Thị L 925.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Bà Phạm Thị L khởi kiện bà Trần Thị U', ông Phùng Đình H phải liên đới trả số tiền vay 37.000.000đ. Ngoài ra các đương sự khác không có yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015 và Điều 471 BLDS năm 2005. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu của bà Phạm Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị L yêu cầu ông Phùng Đình H, bà Trần Thị U' phải có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 37.000.000đ.

Xét thấy: Căn cứ vào giấy ghi nợ ngày 12/3/2016 do bà Phạm Thị L cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện bà Trần Thị U' có vay bà L số tiền 37.000.000đ. Tại phiên tòa ông Phùng Đình H, thừa nhận ngoài số tiền 37.000.000đ này thì ông H còn vay bà L số tiền 10.000.000đ; nhưng đến ngày 14/4/2017 ông H đã trả cho bà L 10.000.000đ. Ông H thừa nhận hiện nay còn nợ bà L số tiền là

37.000.000đ. Ông H chấp nhận trả cho bà L số tiền này. Như vậy, yêu cầu của bà L về việc buộc vợ chồng ông H, bà U phải trả số tiền 37.000.000đ đã vay vào ngày 12/3/2016 là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:

Bà Phạm Thị L cho rằng từ ngày 12/3/2016 cho đến nay, vợ chồng ông H, bà U không trả tiền lãi theo thỏa thuận hàng tháng là 3% đối với số tiền 37.000.000đ. Cho nên, bà L yêu cầu ông H, bà U phải trả tiền lãi theo quy định của Nhà nước từ ngày 12/3/2016 cho đến nay.

Tại phiên tòa, ông Phùng Đình H thừa nhận từ ngày 12/3/2016 cho đến nay, ông H và bà U không trả tiền lãi cho bà L theo thỏa thuận là 3%/tháng đối với số tiền đã vay là 37.000.000đ. Thế nhưng, ông H cho rằng do trước kia đã trả tiền lãi cho bà U quá nhiều, nên xin không trả tiền lãi cho bà L đối với số tiền 37.000.000đ này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng vay tiền có lãi và yêu cầu của bà L về việc buộc bà U, ông Trung phải trả tiền lãi từ ngày 13/6/2016 cho đến nay là có căn cứ để chấp nhận. Do mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Cho nên, cần áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 476 BLDS.

Căn cứ vào quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010, của Ngân hàng nhà nước Việt Nam có hiệu lực ngày 01/12/2010 thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương đương là 0,75%/tháng.

Như vậy, tiền lãi phát sinh trên số tiền vay 37.000.000đ tính từ tháng 3/2016 đến nay (8/5/2018) được xác định là: $37.000.000đ \times 0.75\% \times 150\% \times 25 \text{ tháng} = 10.780.000đ$.

Do đó cần xử buộc ông H, bà U phải trả cho bà L số tiền là 47.780.000đ. Trong đó, tiền gốc là 37.000.000đ và tiền lãi là 10.780.000đ

[4] Về án phí: Do yêu cầu của phía nguyên đơn – Bà Phạm Thị L được chấp nhận nên cần buộc bị đơn – Bà Trần Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Phùng Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, L phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, L phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L

Buộc bà Trần Thị U, ông Phùng Đình H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị L số tiền là 47.780.000đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

Chia phần:

Bà Trần Thị U có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền là 23.890.000đ (hai ba triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Ông Phùng Đình H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền là 23.890.000đ (hai ba triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm

- Về án phí:

Buộc bà Trần Thị U, ông Phùng Đình H phải liên đới nộp 2.389.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí là 925.000đ (chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) mà bà L đã nộp theo biên lai số N.0012176, ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - Ngày 08/5/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.T;
- CC THA DS H.T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

